

Quá trình định hình biên giới Việt-Trung thế kỉ XI-XX

Nguyễn Ngọc Giao

Trường đại học Denis Diderot (Paris VII)

(tóm lược)

Việc kí kết Hiệp định biên giới Việt Nam – Trung Quốc trên đất liền (30.12.1999, có hiệu lực từ ngày 1.7.2000) và Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ (25.12.2000, chưa được quốc hội hai bên phê chuẩn), nhất là việc chưa/không công bố các văn bản và bản đồ đính kèm đã gây ra tranh luận gay gắt.

Nội dung khoa học của cuộc tranh luận này bị giới hạn, nếu không nói là triệt tiêu, bao lâu các văn kiện kể trên chưa được công bố đầy đủ. Tuy nhiên, trong chừng mực cả hai chính quyền đều tuyên bố rằng việc phân định quốc giới dựa trên cơ sở hiệp định Pháp-Thanh 1885 (1), việc tìm hiểu quá trình định hình đường biên giới dẫn tới Hiệp định Pháp-Thanh càng trở thành cần thiết. Một mặt, nó cung cấp cho ta cứ liệu để sau này đánh giá Hiệp định Việt-Trung, và mặt khác, ngay từ bây giờ, nó cũng làm sáng tỏ cuộc tranh luận nói trên ở một vài điểm cụ thể (như sẽ nói ở cuối bài).

Việc Trung Quốc chấp nhận hiệp định Pháp-Thanh làm cơ sở cho việc xác định biên giới là điều có ý nghĩa vì lập trường cố hữu của Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa là phủ nhận hay phản đối các hiệp định mà nhà Thanh đã kí kết trong thế kỉ XIX, coi đó là những hiệp định bất bình đẳng, do các thế lực đế quốc áp đặt. Lập trường này có căn cứ vì phần lớn các đường biên giới hoạch định trong thời kì xâm chiếm thuộc địa và bán thuộc địa ở châu Mỹ, châu Phi và châu Á đều có tính chất võ đoán, bất chấp các dữ kiện dân tộc và lịch sử.

Trong bối cảnh đó, phải nói đường biên giới Việt-Trung là một biệt lệ khá hiếm hoi : ***về cơ bản, nó xác nhận, cụ thể hoá và hiện đại hoá sự phân định đã thành hình và củng cố trong suốt thiên kỉ độc lập của Việt Nam, từ đời nhà Lý đến nhà Nguyễn.***

Thật vậy, khác với biên giới phía tây, nam, rồi tây-nam (với các vương quốc Ai Lao, Chiêm Thành và Khơ me), biên giới phía bắc của Đại Việt / Việt Nam hầu như đã cố định từ nhiều thế kỉ, các cuộc xâm lược và chiếm đóng của láng giềng phương bắc từ thế kỉ XI đến cuối thế kỉ XVIII đều kết thúc bằng sự bỏ chạy hoặc rút quân ít nhiều tự nguyện và sự tái lập biên giới cũ (2), các cuộc tranh chấp về lãnh thổ chỉ hạn chế vào những vùng nhỏ và thường được giải quyết qua thương lượng.

Nói cụ thể hoá và hiện đại hoá vì cho đến giữa thế kỉ XIX, biên giới Việt Nam – Trung Quốc không hề được phân định theo một tuyến rõ ràng trên bản đồ hay trên thực địa. Tại một số nơi, nhất là sau khi có thương lượng giải quyết tranh chấp, có dựng bia hay quy định lấy một khúc sông làm biên giới. Những trường hợp như vậy không nhiều : có thể nói, ***trong thiên kỉ thứ II, biên giới Việt-Trung***

tuy đã định hình, là một tuyến gián đoạn. Với Hiệp định Pháp-Thanh, lần đầu tiên đường biên giới này được cụ thể hoá trên một bộ bản đồ tỉ lệ 1/50000, theo định nghĩa hiện đại của quốc giới.

Sự gián đoạn trong không gian nói trên phần nào cũng thể hiện sự gián đoạn trong thời gian : dọc theo biên giới, nhất là ở nửa phía tây (từ Lai Châu hiện nay đến Hà Giang, tiếp giáp với tỉnh Vân Nam của Trung Quốc), là nơi cư ngụ của các dân tộc ít người, chính quyền Việt Nam cũng như chính quyền Trung Quốc không trực trị, mà đặt những vùng này thành những *ky mi phủ, ky mi châu*. *Ky*, theo Tự điển Thiều Chửu, có nghĩa là để lỏng dây cương ngựa, *ky mi* có nghĩa là "*duy trì để cho không đến nỗi tuyệt hẳn*". Cụ thể hơn, các thổ ti cai quản những vùng này thần phục nhà vua bằng sự triều cống, khi triều cống phương bắc, khi triều cống phương nam, có khi cả hai. Mối quan hệ này còn phức tạp hơn, vì phía bắc, hoàng đế thì ở tận Bắc Kinh, tổng đốc Vân Nam và tổng đốc Quảng Tây lại ở gần kề, quyền lợi và chủ trương chính sách thường không đồng nhất.

Quá trình phân định biên giới Việt-Trung giữa chính quyền Pháp và nhà Thanh đã kéo dài 10 năm, từ 1886 đến 1895, xen kẽ thương lượng và khảo sát thực địa, vẽ bản đồ. Có thể chia làm 2 giai đoạn, phần nào cũng tương ứng với nửa phía đông và nửa phía tây :

Trong giai đoạn đầu, hai bên đã thoả thuận về đường biên giới từ Móng Cái đến Cao Bằng (tiếp giáp với Quảng Tây) và đã bắt đầu cắm cột mốc dọc theo biên giới. Cuộc khảo sát thực địa đôi khi căng thẳng, thậm chí có đổ máu, song về cơ bản, không có tranh chấp đáng kể (3). Ngược lại, vì địa hình hiểm trở và tình trạng thiếu an ninh ở khu vực này, nửa phía tây của đường biên giới (từ Hà Giang tới Lai Châu, tức là vùng tiếp giáp với tỉnh Vân Nam của Trung Quốc) chỉ được vạch ra trên bản đồ. Chính ở phần này, trong Công ước Constans (1887), phía Pháp đã nhượng bộ vùng Tự Long (mà sau nhiều năm tranh chấp, nhà Thanh đã phải trả lại cho Việt Nam)(4), và nhất là một vùng đất rộng lớn hơn nhiều : một nửa khu vực Phong Thổ, nằm giữa Sông Hồng và Sông Đà, dưới quyền của họ Đèo (mà thủ lĩnh Đèo Văn Trí sang tị nạn ở Vân Nam cùng với Tôn Thất Thuyết sau thất bại của phong trào Cần Vương).

May thay, sang thập niên 90 của thế kỉ XIX, tình hình quốc tế và quốc nội tại vùng đất này đã có những thay đổi lớn : quân đội Pháp đẩy lui quân đội Xiêm lúc đó chiếm cứ phần lớn Vương Quốc Ai Lao và xâm nhập cả vùng Lai Châu, giải thoát được con cháu họ Đèo bị quân Xiêm bắt làm con tin, do đó Pháp tranh thủ được họ Đèo quy thuận ; nhà Thanh tuyên chiến với Nhật (7.1894) và bị đại bại, phải kí hoà ước Simonoseki (4.1895), bắt đầu thời kì suy yếu bi thảm nhất trong lịch sử Trung Quốc. Trong bối cảnh đó, Công ước Gérard được kí kết tại Bắc Kinh ngày 20.06.1895, đặt lại vùng Phong Thổ trong cương vực Bắc Kỳ, và ngày 1.4.1896, "công cuộc cắm mốc biên giới Trung Quốc – An Nam đã hoàn tất" (5).

Thay lời kết

1/ Ải Nam Quan

Trong cuộc tranh luận về hiệp định biên giới 1999, câu "nước ta hình chữ S chạy dài từ Ải Nam Quan tới mũi Cà Mau" trong các sách giáo khoa tuổi thơ của chúng ta và tuyên bố của thứ trưởng ngoại giao Lê Công Phụng theo đó đường biên giới ở khu vực Đồng Đăng - Bằng Tường ở phía nam cổng "Mục Nam" (tức cổng "Hữu Nghị") "hơn 200 mét" đã làm tốn nhiều giấy mực "áo" trên mạng internet. Trước tiên, có vấn đề từ ngữ : "ải" có nghĩa là vùng đất hiểm yếu, thường là lũng hẹp nằm giữa hai vách/dãy núi/đồi (tiếng Pháp : défilé, tiếng Anh : defile). Vùng đất giữa Đồng Đăng và Bằng Tường đúng là một "ải" (cũng như ải Chi Lăng ở phía nam thị xã Lạng Sơn), tên gọi của nó trùng hợp với tên cái cổng mà các triều đại Trung Quốc từ Minh Thanh đến Mao gọi là "Trần Nam quan" [cổng Trần (ngự phương) Nam] rồi "Mục Nam quan" [cổng (hoà) Mục (với phương) Nam], phía Việt Nam trong thập niên 55-65 gọi là "Hữu Nghị quan", nhưng trong ngôn ngữ hàng ngày vẫn là "Nam Quan" (người Pháp gọi là Porte de Chine). Từ đó có huyền thoại "mắt Nam Quan", hàm ý cái cổng này trước đây của Việt Nam (ít ra một nửa), nay thuộc về Trung Quốc. Theo sử sách thì cổng này thuộc đất Trung Quốc. Đối diện với nó, về phía Việt Nam, có cổng "Ngưỡng Đức đài" nay không còn dấu vết, và "đường biên giới" nằm ở giữa hai cổng. Nghiêm chỉnh hơn, căn cứ vào Hiệp định Pháp-Thanh, thì sao ? Hồi kí của bác sĩ quân y P. Neis nói hai phái đoàn Pháp-Thanh trên thực địa đã thoả thuận vạch đường biên giới ở đây theo một dòng nước ở "phía nam Porte de Chine khoảng 150 mét". Nhưng trên bản sao hai tấm bản đồ tỉ lệ xích 1/50 000 mang chữ kí của hai trưởng đoàn, mà chúng tôi tìm thấy ở cục lưu trữ Aix-en-Provence, khoảng cách này xấp xỉ 500 mét. Bản chính còn nằm ở Bộ ngoại giao Pháp, không do Vụ lưu trữ quản lí, nên các nhà nghiên cứu chưa được tham khảo. Nhưng được biết Bộ ngoại giao Pháp đã cung cấp cho Bộ ngoại giao Việt Nam bản chụp toàn bộ các văn kiện.

Thêm một lí do để chính quyền Việt Nam công bố văn bản (kể cả bản đồ) của các Hiệp định 1887 và 1999, càng sớm càng hay, để công luận xét đoán.

2/ Vịnh Bắc Bộ.

Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ đã được kí kết nhưng chưa được phê chuẩn. Công luận có thể đánh giá một cách tiêu cực hay tích cực sự phân chia vùng vịnh (theo ông Lê Công Phụng, "về diện tích tổng thể ta được 53,23 % diện tích Vịnh, Trung Quốc đạt 46,77 % (ta hơn Trung Quốc 6,46% tức là khoảng 8205 km²)" (6)), song nói rằng, so với Hiệp định Pháp-Thanh 1887, Việt Nam thua thiệt, là một khảng định bất chấp lịch sử. Bởi lẽ Công ước Constans (26.06.1887) không hề phân chia vùng biển : cuối thế kỉ XIX, chỉ có khái niệm lãnh hải 3 hải lí ; các khái niệm vùng kinh tế độc quyền, thềm lục địa... chỉ xuất hiện từ giữa thế kỉ XX và được mãi tới năm 1982 mới được quy định trong Công ước quốc tế về Luật biển. Hiệp ước Pháp-Thanh chỉ quy định "các đảo ở phía đông kinh tuyến Paris 105° 43' [tức là phía đông mũi cực đông của đảo Trà Cổ] được phân định là thuộc về Trung Quốc". Cơ sở pháp lý duy nhất để phân định Vịnh Bắc Bộ như vậy là Công ước quốc tế 1982, mà theo Công ước này, toàn bộ Vịnh Bắc Bộ là vùng chông lẩn.

Vẫn theo ông Lê Công Phụng (6), "hai nước đã ký Thoả thuận về các nguyên tắc cơ bản giải quyết vấn đề biên giới – lãnh thổ giữa Việt Nam và Trung Quốc ngày 19-10-1993, trong đó nêu rõ phương

hướng phân định Vịnh Bắc Bộ là 'Hai bên sẽ áp dụng luật quốc tế và tham khảo thực tiễn quốc tế, theo nguyên tắc công bằng và tính đến hoàn cảnh liên quan trong Vịnh để đi đến một giải pháp công bằng'".

Nếu đúng là Trung Quốc chấp nhận áp dụng luật quốc tế, thì đây là một tiền lệ đáng chú ý. Nó tạo cơ sở pháp lý cho việc giải quyết cuộc tranh chấp ở các quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và trên toàn bộ Biển Đông thuận lợi cho lập trường chính đáng của Việt Nam (7). Tất nhiên, thực tiễn chính sách quân sự và ngoại giao của Trung Quốc trong những thập niên vừa qua không cho phép có ảo tưởng về triển vọng một giải pháp dựa trên pháp lý quốc tế và thực tế lịch sử.

Tài liệu tham khảo chính :

* Monique CHEMILLIER-GENDREAU, *La souveraineté sur les archipels Paracels et Spratleys*, L'Harmattan, Paris, 1996

* ĐÀO Duy Anh, *Đất nước Việt Nam qua các đời / Nghiên cứu địa lý học lịch sử Việt Nam*, nxb Khoa học, Hà Nội 1964.

* P.B. LAFONT (sous la direction de), *Les frontières du Vietnam / Histoire des frontières de la péninsule indochinoise*, L'Harmattan, Paris, 1989.

* G. DEVERIA, *La frontière sino-annamite*, cote Bibliothèque Nationale de France M-1137.

* Trung tâm lưu trữ CAOM (Aix en Provence, Pháp) : các hồ sơ kí hiệu **fm sg indo/af/** carton 34 và 35

* Vụ lưu trữ Bộ ngoại giao Pháp (Paris) : hồ sơ **Affaires politiques (Chine, Indochine) 1895-1897.**

- (1) Còn gọi là Hiệp ước Thiên Tân. Thực ra, những thoả thuận về biên giới Bắc Kỳ – Trung Quốc được qui định trong hai văn bản : Công ước Constans (1887) và Công ước Gérard (1895) ; hai công ước này là những văn kiện phụ lục của Hiệp ước Thiên Tân, vì vậy trong bài này sẽ gọi chung là Hiệp định Pháp-Thanh hay Hiệp ước Thiên Tân.
- (2) Việc nhà Mạc "dâng đất" xem ra không có thực chất. Xem Phạm Văn Sơn, *Việt sử tân biên*, Sài Gòn 1958 ; Lê Văn Hoè, *Hồ Quý Ly - Mạc Đăng Dung*, 1953 ; Hội Khoa học lịch sử Việt Nam, *Mạc Đăng Dung và Vương triều Mạc*, Hải Phòng 2000.
- (3) Vì muốn cả hiệp kí kết ước thương mại, trưởng đoàn đại biểu Pháp là Constans đã nhượng cho phía Trung Quốc một làng Việt Nam ở mũi Pải Lũng, lọt trong lãnh thổ Trung Quốc, do đó điếm cực đông trên đất liền ngừng ở mũi Trà Cổ. Xem Docteur P. NEIS, *Sur les frontières du Tonkin*, tạp chí *Le Tour du Monde*, 1888, pp.321-416

- (4) Lieutenant BONIFACY, *Le canton de Tu-Long et la frontière sino-tonkinoise*, tạp chí *La Revue Indochinoise*, 1924, pp 299-322 và Đào Duy Anh (sách tham khảo).
- (5) Điện của trung tá Vimard, tư lệnh Quân khu IV, gửi Tổng tư lệnh (x. Charles Fourniau trong P. B. Lafont, tài liệu tham khảo tr. 103).
- (6) *Tạp chí Cộng Sản*, số 2 (1.2001).
- (7) Xem Brice Clagett, *Competing claims of Vietnam and China in the Vanguard Bank and Blue Dragon areas of the South China Sea*, Tạp chí *Oil & Gas Law and Taxation Review* (Vol 13, Issue 10, October 1995), Sweet&Maxwell [có thể đọc toàn văn phần I và phần II trên địa chỉ internet <http://www.smlawpub.co.uk>] và bài của Trần Thị Thu trong *Kỷ yếu Hội thảo Phát triển Khu vực Châu Á – Thái Bình Dương và Tranh chấp Biển Đông*, nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000.